

UBND TỈNH SƠN LA

Phụ lục 3

TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Kết quả đánh giá năm 2025	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	75,02	
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	20	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	5	
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN trong năm 2025	1	1	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	0,2	0,2	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	0,2	0,2	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.	0,2	0,2	
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.	0,2	0,2	
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật.	0,2	0,2	
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2025	1	1	
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2025	3	3	
A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5	0,5	
A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5	0,5	

<i>A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN</i>	0,5	0,5	
<i>A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2025</i>	0,5	0,5	
A.2. Đánh giá việc UBND tỉnh và các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	15	15	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4	
<i>A.2.1.1. Ban hành kế hoạch</i>	1	1	
<i>A.2.1.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3	
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4	
<i>A.2.2.1. Ban hành kế hoạch</i>	1	1	
<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3	
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1	
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	3	3	
A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	2	2	
A.2.6. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	1	1	
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	26	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	27	23	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	6	6	
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>	2	2	
<i>B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn</i>	1	1	
<i>B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	1	
<i>B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước</i>	1	1	
<i>B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công</i>	1	1	
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2025)	1	1	
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025	1	1	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2	
<i>B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i>	1	1	

B.1.5.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	3	2	
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	1	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI	1	0	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	2	2	
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	1	1	
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1	
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5	
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	1	
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	1	1	
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	1	1	
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	2	2	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	5	2	
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	1	1	
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	1	1	
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	0	
B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	3	
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	1	
B.2.2. Kết quả thực hiện phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2	2	
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	21,7	
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	7,2	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3	0,2	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2	0	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7	7	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	12,5	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	2,5	

C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	0	
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN	2,5	2,5	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5	7,5	
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2,5	2,5	
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	2,5	
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	2,5	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5	0	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	2,5	0	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	2,5	0	
C.2.3.3. Hình thức cách chức	2,5	0	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	2	
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	1	0	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	0	
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	0	
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	7,32	
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	3	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	3	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	0	

D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	4,32	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	2,33	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	1,99	
D. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025	-10		
ĐT.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025	-2		
ĐT.2. Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	-4		
ĐT.3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	-4		